

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

- **Hình thức kiểm tra:** Tự luận
- **Nội dung:** Các ngữ liệu ngoài SGK
- **Nội dung kiểm tra:** Bài 7, bài 8

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

Nhận biết: 2 câu hỏi tự luận

- Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.
- Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.

Thông hiểu: 3 câu tự luận

- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.
- Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.
- Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
- So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

Nhận biết: 2 câu hỏi tự luận

- Nhận biết được chi tiết, đề tài của văn bản.
- Nhận biết được thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản.
- Nhận biết được bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản.

Thông hiểu: 3 câu tự luận

- Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản.
- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản.
- Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.
- Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết.
- Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

- **Hình thức kiểm tra:** Tự luận
- **Nội dung:** Các ngữ liệu ngoài sgk

1. Viết văn bản thuyết minh về một vấn đề xã hội đương đại.

* Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề xã hội cần thuyết minh, nêu rõ sự tồn tại của vấn đề trong đời sống xã hội.

* Thân bài:

- Nêu thực chất của vấn đề xã hội cần thuyết minh

- Trình bày các thông tin theo trình tự đã được lựa chọn

* **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề xã hội được thuyết minh

2. Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên

* Mở bài:

- Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh

- Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng đó

* Thân bài:

- Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí, tùy thuộc vào định hướng cung cấp thông tin cho người viết

- Xác định các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận có thể đưa vào vị trí thích hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.

- Cần dự kiến cả những phương tiện phi ngôn ngữ có thể sử dụng trong văn bản giúp cho nội dung thuyết minh được sinh động, hấp dẫn

* Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được đề cập, gợi mở những ý tưởng có thể nói tiếp.

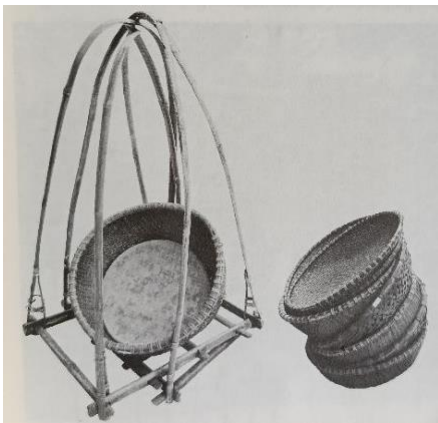
* Đề minh họa

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

CÔNG CỤ THÔNG THƯỜNG CỦA NHÀ NÔNG

“Gồng gồng gánh gánh/Gánh sông gánh núi/Gánh củi gánh cành” là những câu ca trong bài đồng dao mà bà tôi thường ru con gái tôi lúc thời thơ ấu. Có lẽ cuộc đời người phụ nữ ngày xưa không khi nào không gắn với đôi quang thúng và đòn gánh.

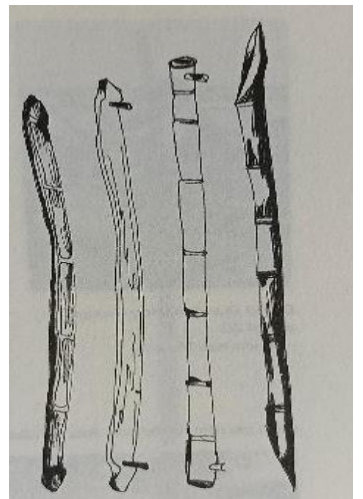


Thúng, đòn gánh, quang gánh.
Nông cụ Việt Nam hiện đại. Hiện
vật bảo tàng Nam Định.

- Ảnh: Nguyễn Anh Tuấn

[...] Để mang vác bằng thúng những đồ vật nào đó, người nông dân Việt Nam có hai cách: hoặc đội thúng lên đầu, hoặc gánh bằng đôi vai. Tôi từng thấy những bà buôn bán vật đội thúng đi cả ngày trên đường mà không hề đưa tay lên giữ thúng. Những phụ nữ Nam

Á còn đội cả vò nước trên đầu. Từ mười ba tuổi đa phần người Việt đã tham gia gánh gồng; gánh nước, gánh gạo, gánh thóc, gánh rom, cỏ, gánh củi...tóm lại là gánh hàng hóa cho gia đình, đi buôn bán hay gánh thuê. Gánh thuê trở thành một nghề phổ biến và người gánh đôi khi xa nhà hàng tháng và lang thang theo đoàn



Các loại đòn gánh tre và
đòn xóc.

- Minh họa: Phan Cẩm
Thường

buôn hàng trăm cây số trên đường, người ta gọi là nghề buôn vãi hay gánh vãi, như Nguyễn Du đã tả những người mà đòn gánh tre chín rạn hai vai: “Kìa những kẻ đi về buôn bán/Đòn gánh tre chín rạn hai vai”. Dụng cụ để gánh thông thường chỉ là đôi quang và chiếc đòn gánh. Mọi thứ như: rau cỏ, củi, lúa đều có thể chất lên đôi quang cả, và anh chàng

lực điền khỏe có thể gánh đến cả tạ, thông thường là bốn, năm mươi cân.

[...] Nếu những người nông dân có thể gánh rất nặng, thì những người bán hàng rong ở thành phố lại có thể gánh công kênh và bèn bĩ. Phở gánh, bún gánh, cháo gánh, hoa quả gánh... rồi lang thang cả ngày trên những hè phố, tất cả ở trên đôi vai dãi dầu nắng mưa. Một gánh bún đậu rán rất linh kinh. Bếp lò, chảo đậu mỡ nóng luôn sôi sùng sục, các chai nước mắm, dấm, mắm tôm giắt quanh. Bên kia là rổ bún, rau sống và đậu chưa rán, ống đũa, và ghế đầu cài quanh vào quang gánh. Vừa đi vừa rán, vừa bán và cũng còn phải chạy nếu bị các nhân viên giữ trật tự lừa hàng rong. Gồng gánh là một nghề truyền thống của đời sống sinh nhai vất vả, nhưng cũng là một nét văn hóa Việt.

(Phan Cẩm Thượng, *Văn minh vật chất của người Việt*, Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới, 2018, tr. 186-188.)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1.(0.75) Đoạn trích trên viết về đề tài gì ?

Câu 2.(0.75) Chỉ ra các yếu tố hình thức của văn bản thông tin trên.

Câu 3.(1.0) Nêu tác dụng của cách đặt tên nhan đề trong đoạn trích?

Câu 4.(1.0) Việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ đem lại hiệu quả gì trong việc biểu đạt nội dung văn bản?

Câu 5.(1.0) Nêu tác dụng của phép liệt kê được sử dụng trong đoạn trích “*Những phụ nữ Nam Á còn đội cả vò nước trên đầu. Từ mười ba tuổi đa phần người Việt đã tham gia gánh gồng; gánh nước, gánh gạo, gánh thóc, gánh rom, cỏ, gánh củi...tóm lại là gánh hàng hóa cho gia đình, đi buôn bán hay gánh thuê*”

Câu 6.(1.5) Anh/Chị có đồng tình với nhận định: *Gồng gánh là một nghề truyền thống của đời sinh nhai vất vả, nhưng cũng là một nét văn hóa Việt không?* Vì sao? (Trình bày trong khoảng 5-7 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài thuyết minh (khoảng 600 chữ) về hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay.